TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHÚ MỸ** **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 70/2025/DS-ST
Ngày: 31-3-2025
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- ***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Nghĩa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phan Thị Sơn

2. Ông Nguyễn Thế Phương

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Kim Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Mỹ tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Lan Hương – Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 620/2024/TLST- DS ngày 26/12/2024 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2025/QĐXXST-DS ngày 25/02/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2025/QĐST- DS ngày 13/3/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty T2 (Việt Nam)

Địa chỉ: Số I P, phường B, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lee Yun H, là người đại diện theo pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần La Ngọc H1, trưởng phòng tố tụng (vắng mặt)

(theo Quyết định ủy quyền nhân sự ký tài liệu số 162/2024/QĐ-MAFC, ngày 02/4/2024)

Người được nguyên đơn ủy quyền tham gia tố tụng: Công ty L

Địa chỉ: Số B L, phường V, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

(theo Hợp đồng ủy quyền số 09/2024/GUQ-MAFC, ngày 02/5/2024)

Người đại diện hợp pháp của người được ủy quyền: Ông Cồ Lê H2, là người đại diện theo pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đức T – Nhân viên công ty (theo Giấy ủy quyền số 305/GUQ-2024, ngày 10/12/2024)

Ông Nguyễn Đức T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1979

Địa chỉ: Khu phố T, phường H, thành phố P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo nội dung đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Đức T trình bày:***

Ngày 12/7/2022, giữa Công ty T2 (Việt Nam) (viết tắt là Công ty T2) và ông Nguyễn Văn T1 ký "Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng" số 3378488 (viết tắt là Hợp đồng 3378488) với nội dung:

+ Công ty T2 cấp tín dụng cho ông T1 khoản vay trị giá 31.980.000 đồng, bao gồm khoản vay 30.000.000 đồng và phí bảo hiểm 1.980.000 đồng. Mục đích là vay tiêu dùng;

+ Thời hạn vay 24 tháng tính từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đến ngày 15/7/2024. Các bên thỏa thuận số tiền phải trả hàng tháng và ngày thanh toán như sau: Ngày 15/8/2022 trả số tiền 2.040.595 đồng; từ ngày 15/9/2022 đến ngày 15/6/2024 trả 2.040.595 đồng/tháng và ngày 15/7/2024 trả 1.373.306 đồng.

+ Lãi suất hàng tháng quy định: Từ kỳ thanh toán thứ 1 đến kỳ thanh toán thứ 20 là 3.67%/tháng (44.00%/năm, tính một năm là 365 ngày); từ kỳ thanh toán thứ 21 đến kỳ 24 là 0% (0%/năm);

Ngoài ra Hợp đồng còn thỏa thuận về phí trả nợ trước hạn, lãi suất tính trên nợ gốc, nợ lãi trong trường hợp không trả hoặc trả không đầy đủ khi đến hạn thanh toán, tiền lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn và lãi suất trên tiền lãi chậm trả.

Thực hiện hợp đồng, ngày 22/7/2022 nguyên đơn đã giải ngân cho bị đơn số tiền 31.980.000 đồng, gồm khoản vay 30.000.000 đồng và đóng phí bảo hiểm 1.980.000 đồng.

Từ ngày 16/8/2022 đến ngày 31/7/2023, ông T1 đã thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền 14.237.380 đồng, trong đó: Tiền nợ gốc 6.982.832 đồng, tiền lãi trong hạn 7.254.548 đồng và phí 47.620 đồng. Từ ngày 01/8/2023, ông T1 không thanh toán khoản tiền nào cho nguyên đơn.

Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu ông T1 phải thanh toán tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 03/7/2024 là 43.511.261 đồng (gồm tiền gốc, tiền lãi trong hạn chưa thanh toán, tiền lãi quá hạn, tiền lãi chậm trả)

Tuy nhiên, sau đó phía nguyên đơn yêu cầu ông T1 phải thanh toán số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (31/3/2025) với tổng số tiền 56.341.347 đồng,

gồm: Tiền nợ gốc chưa thanh toán 24.997.168 đồng; tiền lãi trong hạn chưa thanh toán 8.220.258 đồng; tiền lãi trên dư nợ gốc quá hạn 21.781.654 đồng và tiền lãi chậm trả 1.342.267 đồng.

Ngoài ra, nguyên đơn còn buộc ông T1 phải tiếp tục thanh toán tiền lãi và các khoản phí phát sinh kể từ ngày 01/4/2025 cho đến khi hoàn tất việc thanh toán khoản vay theo thỏa thuận tại Hợp đồng số 3378488.

**** Bị đơn ông Nguyễn Văn T1 vắng mặt.***

**** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:***

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa. Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt, không thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp xác định ông T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận tại "Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng". Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông T1 phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định như sau:

[1] Về tố tụng.

[1.1] Quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết và thời hiệu khởi kiện:

Theo giấy "Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng" số 3378488, ngày 12/7/2022 được ký giữa nguyên đơn và bị đơn thể hiện bị đơn vay tiền của nguyên đơn với mục đích vay tiêu dùng. Bị đơn có địa chỉ tại khu phố T, phường H, thị xã P (nay là thành phố P), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Do đó, xác định vụ việc thuộc loại quan hệ "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", còn trong thời hiệu khởi kiện và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phú Mỹ, quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Đức T vắng mặt nhưng đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn ông Nguyễn Văn T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Nội dung giải quyết.

[2.1] Giấy "Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng" số 3378488, ngày 12/7/2022 được ký giữa nguyên đơn và bị đơn trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận giữa các bên có nội dung phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với Luật Các tổ chức tín dụng nên phát sinh hiệu lực thi hành.

[2.2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.2.1] Đối với số tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp nhận thấy trong quá trình thực hiện Hợp đồng, phía bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, cụ thể việc trả nợ gốc và lãi trong hạn không thực hiện đúng kỳ thanh toán như thỏa thuận tại Mục 3.6 Phần B Hợp đồng tín dụng. Bị đơn mới thanh toán cho nguyên đơn được 07 kỳ (gồm các ngày 16/8/2022, 15/9/2022, 17/10/2022, 06/11/2022, 30/5/2023, 30/6/2023 và ngày 31/7/2023) với tổng số tiền 14.285.000 đồng, trong đó tiền nợ gốc 6.982.832 đồng, nợ lãi 7.254.548 đồng và phí 47.620 đồng. Từ ngày 01/8/2023, phía bị đơn đã không thanh toán cho nguyên đơn khoản tiền nào.

Như vậy sau khi trừ đi các khoản tiền đã trả thì số tiền nợ gốc, tiền lãi góp của mỗi kỳ bị đơn chưa thanh toán cho nguyên đơn là:

+ Tiền nợ gốc 31.980.000 đồng - 6.982.832 đồng = 24.997.168 đồng.

+ Tiền nợ lãi góp mỗi kỳ (tính từ kỳ 8 đến kỳ 20) là 8.220.258 đồng.

[2.2.2] Đối với số tiền lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn:

Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên phải chịu lãi suất quá hạn là 150% (tính trên lãi suất năm, số dư nợ gốc phải góp mỗi kỳ chưa trả và số ngày trễ hạn) theo thỏa thuận tại Mục 8.3 Phần B Hợp đồng tín dụng.

Căn cứ báo cáo thu hồi nợ vay hợp đồng tín dụng do nguyên đơn cung cấp nhận thấy từ ngày 15/3/2023 đến ngày 15/7/2024, các khoản nợ gốc phải góp mỗi kỳ mà bị đơn chưa trả đã được chuyển sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 31/3/2025, tổng số tiền lãi quá hạn trên số dư nợ gốc bị đơn chưa thanh toán cho nguyên đơn là 21.781.654 đồng.

[2.2.3] Đối với số tiền lãi chậm trả:

Như đã phân tích tại Mục [2.2.1], tính đến ngày 31/3/2025 bị đơn mới thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền lãi góp của 07 kỳ là 7.254.548 đồng, còn lại 13 kỳ chưa thanh toán. Do đó bị đơn phải chịu lãi chậm trả là 10% (tính trên số dư lãi chậm trả và số ngày trễ hạn) theo thỏa thuận tại Mục 8.3 Phần B Hợp đồng tín dụng.

Căn cứ báo cáo thu hồi nợ vay hợp đồng tín dụng do nguyên đơn cung cấp, tính đến ngày 31/3/2025, tổng số tiền lãi chậm trả trên số tiền lãi góp của 13 kỳ bị đơn chưa thanh toán cho nguyên đơn là 1.342.267 đồng.

[2.2.4] Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T1:

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tống đạt, niêm yết văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Văn T1 theo quy định. Tuy

nhiên ông T1 vẫn vắng mặt, không tham gia tố tụng tại Tòa án và cũng không cung cấp văn bản phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Từ những nhận định trên, xét thấy các khoản tiền nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán do vi phạm nghĩa vụ là phù hợp với thỏa thuận giữa các bên. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn các khoản tiền nợ gốc, tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn và lãi chậm trả phát sinh từ "Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng" số 3378488, tính đến ngày 31/3/2025 với tổng số tiền 56.341.347 đồng. Bị đơn còn phải tiếp tục thanh toán cho nguyên đơn các khoản tiền lãi và phí phát sinh tính từ ngày 01/4/2025 cho đến khi bị đơn hoàn thành các nghĩa vụ phải thanh toán theo Hợp đồng số 3378488, ngày 12/7/2022.

[3] Về án phí

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: 56.341.347 đồng x 5% = 2.817.000 đồng (làm tròn)

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2017;

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/10/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty T2 (Việt Nam) đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T1.

Buộc ông Nguyễn Văn T1 có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty T2 (Việt Nam) toàn bộ số tiền nợ phát sinh từ "Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng" số 3378488, ngày 12/7/2022 tính đến ngày 31/3/2025 là 56.341.347 đồng (năm mươi sáu triệu ba trăm bốn mươi mốt nghìn ba trăm bốn mươi bảy đồng), trong đó: Tiền nợ gốc 24.997.168 đồng (hai mươi bốn triệu chín trăm chín mươi bảy nghìn một trăm sáu mươi tám đồng); tiền nợ lãi góp trong hạn 8.220.258 đồng (tám triệu hai trăm hai mươi nghìn hai trăm năm mươi tám đồng); tiền lãi quá hạn 21.781.654 đồng (hai mươi mốt triệu bảy trăm tám mươi mốt nghìn sáu trăm năm mươi bốn đồng); tiền lãi chậm trả 1.342.267 đồng (một triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn hai trăm sáu mươi bảy đồng)

Kể từ ngày 01/4/2025, ông Nguyễn Văn T1 còn phải tiếp tục thanh toán tiền lãi và phí phát sinh cho Công ty T2 (Việt Nam) cho đến khi hoàn thành xong các nghĩa vụ phải thanh toán theo thỏa thuận tại "Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng" số 3378488, ngày 12/7/2022.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn T1 phải chịu 2.817.000 đồng (hai triệu tám trăm mười bảy nghìn đồng)

H3 lại cho Công ty T2 (Việt Nam) số tiền 1.087.000 đồng (một triệu không trăm tám mươi bảy nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0004153, ngày 29/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ (nay là thành phố P), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

3. Trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND thành phố Phú Mỹ;
- Chi cục THADS thành phố Phú Mỹ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Minh Nghĩa